

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HS-ST
Ngày: 06/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngọc Diễm (Cán bộ Đoàn)
2. Bà Dương Thị Thanh Thúy

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2024/TLST-HS ngày 16/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 24/7/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N (Đức Quý), sinh năm 1975 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số F, khu phố A, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 01/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1935 (đã chết) và bà **Trần Thị N1**, sinh năm 1937 (đã chết); bị cáo sống chung như vợ chồng với **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1993 có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2024.

Tiền sự: không;

Tiền án: ngày 11/8/2014 bị TAND tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự phúc thẩm số 95/2014/HS-PT, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2014. nhưng chưa chấp hành phần án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng và chưa nộp số tiền thu lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước 1.000.000 đồng).

Nhân thân:

- Ngày 05/5/2015 bị TAND thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2015/HS-ST, chấp hành xong ngày 20/11/2015).

- Ngày 07/7/2016 bị TAND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2016/HS-ST, chấp hành xong ngày 20/01/2017).

- Ngày 27/12/2015 bị TAND thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. (Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HS-ST, chấp hành xong ngày 30/01/2019).

- Ngày 28/10/2019 bị TAND thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HS-ST, chấp hành xong ngày 29/01/2022).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2024 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Lê Trương Thảo N3, sinh ngày 19/11/2007; nơi cư trú: số F, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

- Người đại diện hợp pháp của bị hại và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Thanh T1, sinh năm 1977; nơi cư trú: số F, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Trương Thị Bích N4, sinh năm 1983; nơi cư trú: số F, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/4/2024, Nguyễn Văn N từ nhà ở số F, Khu phố A, Phường D, thành phố B đi tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi ngang siêu thị C ở khu phố B, phường D, thành phố B, N nhìn thấy chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Hitasa màu đỏ của Lê Trương Thảo N3, sinh ngày 19/11/2007; ĐKTT: Số F, ấp M, xã M, thành phố B đang dựng phía trước Siêu thị, khu vực gần quán C1 ở Phường D, thành phố B không ai trông coi nên N nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Để thực hiện ý định, N đi bộ đến vị trí xe đạp điện và điều khiển đem về cất giấu bên hông nhà của N ở số F, Khu phố A, Phường D, thành phố B cất giấu. Sau đó hành vi của N bị lực lượng Công an phát hiện.

Vật chứng do Nguyễn Văn N giao nộp gồm: 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Hitasa màu đỏ, số mô-tơ ZH48V180WE-210130065, số sườn: HNL22739.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 356/KL-HĐĐG ngày 10/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Hitasa màu đỏ, số mô-tơ ZH48V180WE-210130065, số sườn: HNL22739, trị giá tài sản ngày 18/4/2024 là 5.220.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Lê Trương Thảo N3 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Hitasa màu đỏ, số mô-tơ ZH48V180WE-210130065, số sườn: HNL22739 vào ngày 01/6/2024. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra, **Nguyễn Văn N** khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị can phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 46/CT-VKSTPBT ngày 15/7/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã trả lại cho bị hại **Lê Trương Thảo N3** 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Hitasa màu đỏ, số mô-tơ ZH48V180WE-210130065, số sườn: HNL22739. Phía bị hại không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại nên Tòa án không đề nghị cơ quan có thẩm quyền cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là phù hợp. Tại phiên tòa, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/4/2024, ở khu vực **Siêu thị C**,

Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre Nguyễn Văn N có hành vi lén lút chiếm đoạt xe đạp điện nhãn hiệu Hitasa, trị giá 5.220.000 đồng của Lê Trương Thảo N3.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã một mình cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 5.220.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và đã nhiều lần bị kết án về tội liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa và tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Phạm tội gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Bị cáo có nghĩa vụ nuôi con nhỏ” theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bị hại Lê Trương Thảo N3 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Hitasa màu đỏ, số mô-tơ ZH48V180WE-210130065, số sườn: HNL22739. Phía bị hại không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/5/2024.

2. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo **Nguyễn Văn N** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. 4, TPBT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình